

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

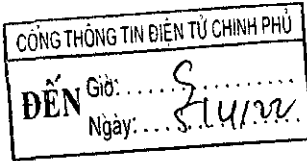
Số: 40 /2022/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 30 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế,
cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày

05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 491/TTr-SNV ngày 18 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và thay thế Quyết định 06/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức và viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- VP Chính phủ (thay báo cáo);
- Bộ Nội vụ (thay báo cáo);
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để k/tra);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (thay báo cáo);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (để biết);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT&TH;
- Ban Tiếp công dân (niêm yết);
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Ngọc Tam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre
(Kèm theo Quyết định số 40 /2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Áp dụng đối với các tổ chức:

a) Tổ chức hành chính

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức hành chính khác, gồm: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là Sở, ban, ngành tỉnh);

- Văn phòng, Thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, ban, ngành tỉnh (gọi chung là phòng chuyên môn thuộc Sở, ban, ngành tỉnh); Chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của Sở, ban, ngành tỉnh (gọi chung là Chi cục);

- Phòng thuộc Chi cục thuộc Sở, ban, ngành tỉnh (gọi chung là phòng thuộc Chi cục);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là phòng cấp huyện).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ban, ngành tỉnh;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục thuộc Sở, ban, ngành tỉnh;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Áp dụng đối với các cá nhân:

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc ở các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành, lĩnh vực với quản lý theo lãnh thổ, phân định rõ những nhiệm vụ quản lý nhà nước của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi tổ chức, cá nhân.

3. Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành và người đứng đầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; bảo đảm một việc không quá 02 cấp hành chính quản lý, bảo đảm phân cấp nhiệm vụ gắn với bảo đảm nguồn lực.

4. Tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước phân cấp, trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước được phân cấp trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực ở địa phương.

Điều 4. Nội dung phân cấp quản lý

1. Về quản lý tổ chức bộ máy:

- Thành lập, tổ chức lại, giải thể;
- Quy định (quy định lại) chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế và cơ chế hoạt động;
- Đánh giá, xếp hạng (phân loại) tổ chức;
- Giao quyền tự chủ nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự đối với tổ chức.

2. Về quản lý vị trí việc làm và biên chế, số lượng người làm việc:

- Quản lý vị trí việc làm;
- Quản lý biên chế công chức;
- Quản lý số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp);
- Quản lý số lượng lao động hợp đồng theo quy định.

3. Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

- Quản lý tuyển dụng công chức, viên chức;
- Quản lý tiếp nhận, điều động, chuyển công tác, biệt phái;
- Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương;
- Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ lãnh đạo quản lý;
- Quản lý chế độ, chính sách;
- Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

Chương II **NỘI DUNG PHÂN CẤP**

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) trên cơ sở danh mục và cơ cấu chức danh nghề nghiệp vị trí việc làm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Quyết định tuyển dụng công chức; Quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương công chức sau khi hoàn thành chế độ tập sự; Quyết định hủy bỏ Quyết định tuyển dụng trong trường hợp người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; Quyết định tiếp nhận vào công chức sau khi có kết quả kiểm tra, sát hạch của Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào công chức.

3. Quyết định chuyển công tác, điều động, tiếp nhận đối với cán bộ, công chức, viên chức không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (áp dụng đối với các trường hợp ngoài phạm vi quản lý của Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện), sau khi có ý kiến của cơ quan, đơn vị nơi cán bộ, công chức, viên chức công tác và cơ quan, đơn vị nơi cán bộ, công chức, viên chức chuyển đến; cho ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức từ các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sang công tác tại các cơ quan thuộc Khối đảng, đoàn thể cùng cấp và ngược lại; cho ý kiến về việc điều động công tác (từ công chức thành viên chức; công chức cấp tỉnh, cấp huyện để bổ trí công tác thành cán bộ, công chức cấp xã) theo ý kiến đề xuất của các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống (trừ các ngạch thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý), Quyết định chuyển ngạch và xếp lương vào ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống (trừ trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

5. Quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II (trừ trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

6. Thực hiện lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở, ban, ngành tỉnh

1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn trực thuộc; phòng thuộc Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập và tương đương

trực thuộc Sở, ban, ngành tỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quyết định giao, điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động cho các phòng chuyên môn, tổ chức, đơn vị trực thuộc trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc phê duyệt. Thực hiện quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức; công nhận kết quả tuyển dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ, kỷ luật, nghỉ hưu, nghỉ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp: Công chức, viên chức giữ các chức vụ Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, ban, ngành; các chức danh thuộc diện Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhưng có phụ cấp chức vụ dưới 0,8 (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh); Quyết định kỷ luật, nghỉ hưu, nghỉ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật đối với công chức không giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị.

5. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên đối với các trường hợp: Công chức của đơn vị; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống hoặc giữ chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II trở xuống (trừ trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

6. Quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III trở xuống, Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III trở xuống (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền ban hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

7. Thực hiện lập và quản lý hồ sơ công chức của đơn vị; người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ban, ngành tỉnh.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc, hợp đồng lao động cho các phòng chuyên môn, đơn vị trực trực thuộc trong tổng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt. Thực hiện quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức và tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức theo đúng quy định; ban hành Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng viên chức.

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ, kỷ luật, nghỉ hưu, nghỉ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật đối với viên chức giữ các chức vụ Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị; Quyết định kỷ luật, nghỉ hưu, nghỉ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật đối với viên chức không giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị.

5. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị giữ chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II trở xuống.

6. Quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III trở xuống, Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III trở xuống (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền ban hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

7. Thực hiện lập và quản lý hồ sơ viên chức của đơn vị.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi trình Sở Nội vụ thẩm định và trình Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương).

2. Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quyết định giao, điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động cho các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội thuộc phạm vi quản lý trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

4. Quyết định phê duyệt đề án tự chủ; quyết định phân loại, xếp hạng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

5. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức; công nhận kết quả tuyển dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi

thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ, kỷ luật, nghỉ hưu, nghỉ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật đối với công chức, viên chức giữ các chức vụ Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức từ các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sang công tác tại các cơ quan thuộc Khối đảng, đoàn thể cùng cấp và ngược lại (sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ); Quyết định kỷ luật, nghỉ hưu, nghỉ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật đối với công chức không giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị.

7. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên đối với các trường hợp: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; cán bộ, công chức công tác tại Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống hoặc giữ chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II trở xuống.

8. Quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III trở xuống, Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III trở xuống (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền ban hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

9. Thực hiện công tác lập và quản lý hồ sơ đối với các trường hợp: Cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Giám đốc Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện quyết định này; định kỳ tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các nội dung được phân cấp theo quy định.

2. Hướng dẫn thực hiện Quy định này, thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức của các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 10. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này, hướng dẫn và quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện

quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong nội bộ ngành, địa phương.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét./.